

Bản án số: 66/2021/DS-ST
Ngày: 15 - 10 -2021
V/v Tranh chấp về dân sự -
Ranh giới quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Văn Đô;**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Võ Thị Diệp;**
2. Ông **Trần Văn Bé Hai;**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Võ Thị Kim Hoa** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh:* Bà **Võ Thị Bích Phượng** – Kiểm sát viên

Trong các ngày 20/5 và ngày 15/10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 696/2020/TLST-DS, ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp dân sự - Ranh giới quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2021/QĐXXST- DS, ngày 08/4/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 73/2021/QĐST -DS ngày 28/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 248/2021/QĐST-DS ngày 24/9/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* N N L, sinh năm 1941;

Địa chỉ: Tổ 40, ấp 1, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* 1. Đ H L1, sinh năm 1957;
2. Đ1 C H, sinh năm 1956;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. L T N B, sinh năm 1964;
2. L T N R, sinh năm 1971;

3. L V V, sinh năm 1977;
4. L V K, sinh năm 1979;
5. L V N, sinh năm 1982;
6. L T H T, sinh năm 2002;
7. L T N N, sinh năm 1967;
8. T H Y, sinh năm 1981;

Bà Bích, Bà R, bà V, ông K, ông N, bà T, bà Y ủy quyền cho bà N N L.

9. N T V, sinh năm 1952;
10. Đ M H, sinh năm 1981 ;
11. Đ N T, sinh năm 1976;
12. Đ N Th, sinh năm 1984;
13. Đ T T, sinh năm 1978;
14. N T N A, sinh năm 1982;
15. Đ T N, sinh năm 2002;
16. P T X, sinh năm 1938;
17. Đ T Ch, sinh năm 1954;
18. Đ1 T B, sinh năm 1958;
19. Đ1 C Q C, sinh năm 1982;
20. Đ1 T H V, sinh năm 2001;
21. Đ1 C M H, sinh năm 1999;
22. L T T, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

4. *Người làm chứng:* Bà H T D, sinh năm 1936.

Địa chỉ: tổ 9, ấp 1, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà L, bà Nga, ông L1, ông H, bà Ch, ông Hồng, ông C có mặt; các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà N N L trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là do cha mẹ để lại cho ông N V B (là anh của bà L). Sau khi ông B chết, diện tích đất giao lại cho bà H T D (vợ của ông B) quản lý, sử dụng. Năm 2001, bà D chuyển nhượng lại cho bà L phần đất này có chiều ngang 7,8m x dài 40m, diện tích 312m², đất tọa lạc tại xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp có xác lập giấy tay. Đến ngày 12/5/2004, xác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật. Ngày 17/6/2004, UBND huyện Cao Lãnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 312m², thửa 1658, TĐĐ số 1 cho hộ bà L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Liên kề với đất của bà L là đất của ông H. Khi bà L nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà D thì đã xác định ranh giới quyền sử dụng đất với ông H là ranh thẳng có trồng trụ đá với sự đồng ý, thỏa thuận của 02 bên. Đầu năm 2019, bà L tiến hành xây dựng nhà ở trên đất thì phía ông H không lên tiếng ngăn cản. Khi tiến hành làm sân và hàng rào thì ông H cản trở với lý do đưa ra là do ranh đất nằm sâu bên phần sân của bà L ngang 1,5m x dài 40m, diện tích 60m². Ngoài ra, khi bà L xây dựng nhà thì ông H và ông L1 còn qua hỗ trợ.

Đối với phần tiếp giáp đất của ông L1 thì vào năm 2007 thì bà L có xây dựng hàng rào. Khi tiến hành xây dựng thì gia đình ông L1 có chứng kiến nhưng không tranh cãi gì.

Trong quá trình Tòa án giải quyết tranh chấp đất với ông H, xác minh hiện trạng và đo đạc thì ông L1 là người giáp ranh đất với bà L không thống nhất ranh giới nên xảy ra tranh chấp. Ông L1 yêu cầu ranh đất qua phía đất của bà L thêm 02 mét nhưng bà L không đồng ý và làm đơn gửi đến Ban hòa giải ấp và UBND xã yêu cầu giải quyết.

Ngày 16/01/2019, tại tổ 9, ấp 1, ông H có đến giải quyết nhưng không đồng ý thỏa thuận xác định ranh đất với bà L. Ngày 20/6/2019, hòa giải tại UBND xã Mỹ Hiệp, cán bộ xã đã động viên 02 bên xác định ranh thẳng nhưng ông H không đồng ý, cả 02 lần hòa giải không thành. Ngày 28/6/2019, UBND xã Mỹ Hiệp ra quyết định số 145/UBND-HC chuyển hồ sơ tranh chấp đến Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh yêu cầu giải quyết.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

1. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất thửa 1658, TĐĐ số 1 do hộ bà L đứng tên quyền sử dụng đất với thửa 06 tờ bản đồ số 6 do hộ ông Đ1 C H đứng tên là đường nối từ M5 – M6 – M7;

2. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất thửa 1658, TĐĐ số 1 do hộ bà L đứng tên quyền sử dụng đất với thửa 14 tờ bản đồ số 6 do hộ ông Đ H L1 đứng tên đất là đường thẳng nối từ M7 – M8 – M9 – M12;

Cùng tọa lạc xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cao Lãnh.

Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà L đang giữ, không có cầm cố, thế chấp.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông Đ1 C H là bị đơn trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất của ông H đang sử dụng tiếp giáp với phần đất của bà L là của ông Đ V H1 (là cha ruột của ông L1) tặng cho vào năm 1976. Khi được tặng cho thì không có đo đạc mà chỉ xác định từ Quốc lộ 30 đi vào phía trong 20m. Hiện nay, hộ ông H đang đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa số 6 tờ bản đồ số 6 diện tích 363m². Khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không có tiến hành đo đạc. Phần đất của bà L đang sử dụng có nguồn gốc là của bà D chuyển nhượng. Quá trình làm thủ tục chuyển nhượng cho bà L thì bà D không thông báo cho ông H để xác định ranh giới. Bà L làm sân thì lấn sang đất của ông H nên phát sinh tranh chấp. Khi bà L xây dựng nhà thì ông H có qua phụ lợp nhà nhưng lúc đó ông H chưa xác định rõ ranh giới nên không phát sinh chấp.

Nay ông H không đồng ý theo yêu cầu của bà L mà ông H xác định ranh giới là đường thẳng nối từ M15 đến M16 theo đo đạc ngày 04/11/2020. Ông H không yêu cầu bà L di dời nhà trên đất mà thống nhất giữ nguyên hiện trạng.

Hiện nay, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông H đang giữ; không có cầm cố, thế chấp.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông Đ H L1 là bị đơn trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất của ông L1 đang sử dụng tiếp giáp đất của bà L là của ông bà để lại khoảng năm 1975. Hiện nay, ông L1 đang đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 14, tờ bản đồ số 6. Phần đất của bà L đang sử dụng có nguồn gốc là của bà D, khi thực hiện chuyển nhượng không thông báo cho ông L1 để xác định ranh giới. Bà L tranh chấp ranh giới với ông H thì ông L1 phát hiện bà L lấn sang đất của ông L1 bề ngang khoảng 0,2m, chiều dài khoảng 40m. Khi Nhà nước cấp quyền sử dụng đất thì thấy có đo đạc nhưng không biết đo đạc vấn đề gì. Ông L1 chỉ đi kê khai thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cách đây khoảng 10 năm bà L có tiến hành làm hàng rào và xây nhà thì ông L1 biết nhưng khi đó chưa xác định ranh cụ thể nên không ngăn cản và tranh chấp. Khi bà D và ông L1 xác định lại ranh giới phần đất phía sau nhà bà L thì ông L1 mới biết hàng rào của bà L làm lấn qua nên phát sinh tranh chấp. Nay xác định ranh đất của ông L1 với bà L là đường thẳng kéo từ trụ đá tức mốc M12 đến

M16 theo đo đạc ngày 04/11/2020. Không yêu cầu bà L di dời nhà và hàng rào trên đất.

Hiện nay giấy chứng nhận QSDĐ ông L1 đang giữ, không cầm cố thế chấp. Trước đây khi tòa án tiến hành xem xét thẩm định vào ngày 04/11/2020 thì ông L1 chưa biết được thửa đất đang tranh chấp với bà L là thửa nào nên đã xác định là thửa 155. Nay ông L1 xác định thửa đất tiếp giáp đất của bà L là thửa 14 tờ bản đồ số 6.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà L T N N trình bày: Thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của bà L, không bổ sung gì thêm.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông Đ M H trình bày: Thống nhất lời trình bày và xác định ranh giới như ông L1. Không đồng ý theo yêu cầu của bà L.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà Đ T Ch và Đ1 C Q C trình bày: Thống nhất lời trình bày và xác định ranh giới như ông H. Không đồng ý theo yêu cầu của bà L.

Tại phiên tòa bà H T D là người làm chứng trình bày: Thống nhất nguồn gốc diện tích đất tranh chấp như bà L trình bày. Hiện trạng bà D chuyển nhượng cho bà L có bề ngang tiếp giáp lộ 30 là 7,8m có đo đạc bằng thước dây và đúng thực tế hiện nay. Riêng phần diện tích đất còn lại phía sau của bà D tiếp giáp với đất ông L1 thì thực tế trước đây không đúng như ông L1 trình bày. Do nhu cầu tách thửa đất cho con nên phải tiến hành đo đạc cần người giáp ranh ký tên. Để thuận lợi cho việc đo đạc và ký tên giáp ranh thì bà D tự nguyện nhường qua phần ranh cho ông L1 0,2m. Việc ông L1 căn cứ vào sự tự nguyện thỏa thuận xác định ranh giới giữa bà D với ông L1 để làm căn cứ ranh đất với L là không thống nhất.

Các tình tiết không thống nhất và lập luận của các bên: Không có.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ gồm:

Tài liệu do bà N N L cung cấp:

1/. Bản phô tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ bà N N L thửa 1658 tờ bản đồ số 1 tọa lạc tại xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh do UBND huyện Cao Lãnh cấp ngày 17/6/2004;

2/. Thông tin thửa đất số 1034/CNVPĐKQSDĐ- CCTT ngày 19/9/2019;

3/. Biên bản hòa giải tháng 6/2019 của UBND xã Mỹ Hiệp;

4/. Bản phô tô hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ diện tích 312m² thửa 1658 TBD số 01 tọa lạc tại xã Mỹ giữa bà H T D và bà N N L ngày 15/03/2004, có chứng thực của UBND xã Mỹ Hiệp ngày 12/05/2004;

4/. Bản phô tô giấy chuyển nhượng QSDĐ giữa bà H T D và bà N N L ngày 29/12/2001;

5/. Biên bản hòa giải tháng 6/2019 của UBND xã Mỹ Hiệp ngày 14/5/2020

Tài liệu do ông Đ1 C H cung cấp:

1/. Bản phô tô giấy chứng nhận QSDĐ thửa số 6 TBD số 6 cấp cho hộ Đ1 C H ngày 12/7/2005.

Tài liệu do ông Đ H L1 cung cấp:

1/. Bản sao giấy chứng nhận thửa 14 và thửa số 02 TBD số 6 cấp cho hộ ông Đ H L1;

Tài liệu do Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh thu thập:

1/. Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/11/2020 và ngày 26/5/2021;

2/. Biên bản định giá ngày 23/02/2021;

3/. Sơ đồ đo đạc thửa đất tranh chấp ngày 04/11/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cao Lãnh;

4/. Công văn số 233/UBND-TNMT ngày 01/03/2021 của UBND huyện Cao Lãnh;

Các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp cung cấp và thu thập đã được thông báo công khai nhưng không ai có ý kiến phản bác.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành tốt pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự, nên không có kiến nghị.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hiện trạng cũng như lời trình bày của các đương sự thì bà L xây dựng nhà ở và xây dựng hàng rào trên đất thì phía ông H và ông L1 không tranh cãi. Bên bị đơn không xuất trình được tài liệu chứng cứ gì chứng minh ranh giới quyền sử dụng đất như đã trình bày. Bà L xây dựng công trình kiên cố trên đất, tiếp giáp phần ranh giới các bên không phát sinh tranh chấp nên lời trình bày của bà L là phù hợp. Căn cứ vào các Điều 175, Điều 176 Bộ luật

dân sự và Điều 203 Luật đất đai, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà N N L yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất thửa 1658, TBD số 1 (thửa số 8 tờ bản đồ số 6 bản đồ lược) với thửa 06 và thửa 14 cùng tờ bản đồ số 6 nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp về dân sự - Ranh giới quyền sử dụng đất” theo quy định tại Điều 175 Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, Hội đồng xét xử xét thấy: Đối tượng tranh chấp là quyền sử dụng đất tọa lạc tại xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm c, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

[3] Bà V1, bà Th, bà T, anh T1, bà A, bà Ng, bà X, bà B, bà Vi, ông H1 và bà Tr được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự vắng mặt.

[4] Tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2021/QĐXXST- DS, ngày 08/4/2021 thì bà Hồ Thị Mai Hương và ông Phạm Phước Tâm là Hội thẩm được phân công tham gia hội đồng xét xử và phiên tòa được tiến hành vào ngày 20/5/2021. Tại phiên tòa ngày 15/10/2021, bà Hương hết nhiệm kỳ Hội thẩm nhân dân và không tái bổ nhiệm; ông Tâm bận công việc đột xuất nên Hội thẩm nhân dân được thay thế bằng ông Trần Văn Bé Hai và bà Võ Thị Diệp tham gia Hội đồng xét xử. Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất sự thay đổi này và yêu cầu Hội đồng xét xử tiếp tục làm việc.

Về nội dung:

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N N L yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất thửa 1658, TBD số 1 (theo bản đồ lược là thửa số 08 tờ bản đồ số 6) do hộ bà L đứng tên quyền sử dụng đất với thửa 06 tờ bản đồ số 6 do hộ ông Đ1 C H đứng tên là đường thẳng nối từ các mốc M5 – M6 – M7; với thửa 14 tờ bản đồ số 6 do hộ ông Đ H L1 đứng tên đất là đường thẳng nối từ mốc M7 – M8 – M9 – M12, cùng tọa lạc xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp,

theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cao Lãnh. Hội đồng xét xử xét thấy: Phần diện tích đất thuộc thửa 1658 tờ bản đồ số 1 do bà L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng là do nhận chuyển nhượng từ bà H TDung (theo giấy chuyển nhượng ngày 29/12/2001 và hợp đồng số 1327/CN ngày 12/5/2004). Trong thỏa thuận có ghi rõ diện tích bà L nhận chuyển nhượng ngang 7,8m dài từ Quốc lộ 30 vào 40m. Bà L được cấp giấy chứng nhận, sử dụng ổn định và không ai tranh chấp.

Theo văn bản số 233/UBND-TNMT ngày 01/3/2021 của UBND huyện Cao Lãnh thì khi cấp giấy cho bà L có đo đạc thực tế, không phát sinh tranh chấp nhưng hồ sơ về thửa đất bị thất lạc. Phần đất được cấp và phần đất thực tế bà L sử dụng có sự chênh lệch diện tích. Cụ thể diện tích bà L được cấp là 312m² và thực tế sử dụng theo xác định khi tiến hành đo đạc là 308,4m².

Ngoài ra, trong quá trình sử dụng thì bà L có tiến hành xây dựng nhà ở tiếp giáp đất của ông L1 và ông H. Xây dựng hàng rào tiếp giáp đất với ông L1 từ năm 2007 nhưng không ai tranh cãi.

[6] Đối với ông L1 và ông H cho rằng phần diện tích đất được ông bà để lại, khi kê khai có đo đạc nhưng không có gì chứng minh. Văn bản của UBND huyện Cao Lãnh cung cấp thông tin cũng không tiến hành đo đạc. Ông L1 và ông H cho rằng bà L xây nhà và hàng rào thì không tranh cãi. Ngoài ra, bà L xây dựng nhà thì ông H còn qua phụ giúp. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa bị đơn thừa nhận khi bà L cất nhà không xác định được ranh giới nên không tranh chấp.

Ông L1 căn cứ vào phần tiếp giáp đất thỏa thuận với bà H TDung để làm căn cứ xác định ranh giới với bà L là chưa phù hợp. Việc thỏa thuận phần ranh giới của bà Dung với ông L1, còn bà L không có sự thống nhất lấy căn cứ này làm ranh giới là đường thẳng. Ngoài ra, phần tiếp giáp lộ 30 thì ông H xác định không được sự thống nhất của bà L. Ông H không có gì chứng minh điểm tiếp giáp quốc lộ 30 đã xác định là ranh giới. Đồng thời, ông L1 và ông H không có gì chứng minh ranh giới như đã xác định.

[7] Từ những phân tích nêu trên và căn cứ vào Điều 175, Điều 176 Bộ luật dân sự và Điều 203 Luật đất đai, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Ranh giới quyền sử dụng đất được xác định như sau:

Ranh giới quyền sử dụng đất thửa 1658, TĐĐ số 1 (bản đồ lược là thửa 8 tờ bản đồ số 6) do hộ bà L đứng tên quyền sử dụng đất với thửa 06 tờ bản đồ số 6 do hộ ông Đ1 C H đứng tên là đường thẳng nối từ các mốc M5 – M6 – M7;

Ranh giới quyền sử dụng đất thửa 1658, TĐĐ số 1 (bản đồ lược là thửa 8 tờ bản đồ số 6) do hộ bà L đứng tên quyền sử dụng đất với thửa 14 tờ bản đồ số 6 do hộ ông Đ1 C H đứng tên là đường thẳng nối từ các mốc M7 – M8 – M9 – M12;

Theo sơ đồ đo đạc ngày 04/11/2020 và biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/11/2020 và ngày 26/5/2021.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án thì: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông L1 và ông H là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về chi phí tố tụng khác:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 157, Điều 158, Điều 165 và Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự thì ông L1 và ông H phải chịu chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá là 7.299.000 đồng nên phải trả cho bà L số tiền đã tạm ứng trước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm c, khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 175, Điều 176 Bộ luật dân sự; Điều 203 Luật đất đai; điểm a, khoản 2, Điều 2, Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà N N L;

1.1. Ranh giới quyền sử dụng đất thửa 1658, tờ bản đồ số 1 (bản đồ lược là thửa số 8 tờ bản đồ số 6) do hộ bà N N L đứng tên quyền sử dụng đất với thửa 06 tờ bản đồ số 6 do hộ ông Đ1 C H đứng tên là đường thẳng nối từ các mốc M5 – M6 – M7;

1.2. Ranh giới quyền sử dụng đất thửa 1658, tờ bản đồ số 1 (bản đồ lược là thửa số 8 tờ bản đồ số 6) do hộ bà N N L đứng tên quyền sử dụng đất với thửa 14 tờ bản đồ số 6 do hộ ông Đ H L1 đứng tên là đường thẳng nối từ các mốc M7 – M8 – M9 – M12;

Các thửa đất cùng tọa lạc tại ấp 1, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 04/11/2020 và biên bản xem xét thẩm định ngày 04/11/2020 và ngày 26/5/2021.

Ranh giới quyền sử dụng đất trên được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian xuống lòng đất.

Bà N N L, ông Đ1 C H và ông Đ H L1 có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh lại diện tích quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2. Về án phí:

Ông Đ C H và ông Đ H L1 được miễn tiền án phí sơ thẩm do là người cao tuổi.

3. Chi phí tố tụng:

Ông Đ1 C H và ông Đ H L1 phải chịu chi phí xem xét thẩm định, đo đạc và định giá. Ông L1 và ông H có nghĩa vụ trả cho bà N N L số tiền đã tạm ứng 7.299.000 (bảy triệu hai trăm chín mươi chín nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Cao Lãnh;
- CC THADS H. Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Văn Đô

